

Số: 758/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu

Gói thầu: Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-HĐTV ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM (gọi tắt là Công ty) về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-CVCX ngày 13/3/2026 của Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 743/QĐ-CVCX ngày 23/3/2026 của Công ty về việc thành lập Tổ mua sắm Dự toán mua sắm Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tờ trình số 195/TTr-KD ngày 24/3/2026 của Tổ mua sắm về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ mua sắm, các Phòng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTV, KSV;
- Các PGĐ, KTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD.Thủy. *h*

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

Gói thầu Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

TP.HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**Người thẩm quyền phê duyệt
Giám đốc**



Lê Thành Khoa

**Bên mời thầu
Tổ trưởng Tổ mua sắm**

Đào Duy Đạt

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- A. Khái quát
- B. Chuẩn bị HSDX
- C. Nộp và mở HSDX
- D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
- E. Trao Hợp đồng

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 1. Đơn chào hàng
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. Kê khai thông tin về nhà thầu
- Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
- Mẫu số 6. Hợp đồng tự do nhà thầu thực hiện
- Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
- Mẫu số 8. Kê khai năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
- Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
- Mẫu số 11. Biểu chào giá
- Mẫu số 12. Biểu giá và Lịch hoàn thành – Các dịch vụ liên quan
- Mẫu số 13. Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất
- Mẫu số 14. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chương IV. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương VI. Kiểm tra và thử nghiệm

Chương VII. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC
HSDX
VND

Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
Hồ sơ đề xuất
Đông Việt Nam

Chương I CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau:

Tên gói thầu	Nội dung công việc của gói thầu
Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ tháng 3/2026.

2. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

4.1 “Hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư;

4.2 “Xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

4.3 Yêu cầu khác về tính hợp lệ của dịch vụ : không có

4.4 Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục này thì nhà thầu phải hoàn chỉnh mẫu kê khai xuất xứ trong các Biểu mẫu tương ứng quy định tại Chương III- Biểu mẫu.

a) Để chứng minh tính phù hợp của dịch vụ và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp tài liệu sẽ trở thành một phần của HSDX và là bằng chứng chứng minh rằng dịch vụ đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật nêu ở Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

b) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dịch vụ và dịch vụ có thể là hồ sơ giấy tờ, bản vẽ hoặc số liệu và phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của dịch vụ và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng căn bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ.

c) Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng, v.v... cần thiết để đảm bảo sự vận hành đúng quy cách và liên tục của dịch vụ trong thời hạn quy định 30 ngày sau khi Chủ đầu tư bắt đầu sử dụng dịch vụ.

d) Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình, vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu dịch vụ hoặc số catalogue do Chủ đầu tư nêu ra trong Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu dịch vụ khác và/hoặc số catalogue khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương căn bản hoặc thậm chí cao hơn so với thông số theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ.

B. CHUẨN BỊ HSDX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSDX

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSDX

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số ;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của dịch vụ và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;

- Các nội dung khác:.....

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu và giảm giá

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ.

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Danh mục dịch vụ.

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo từng biểu giá quy định tại Mẫu số 11, 12, 13, 14, 15.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:

Việt nam đồng (VNĐ)

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm danh mục dịch vụ cung cấp, tiến độ cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật nhằm chứng minh tính phù hợp của dịch vụ theo yêu cầu của Bên mời thầu.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

13. Thời hạn hiệu lực của HSDX

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong 30 ngày. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

14. Bảo đảm dự thầu

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt

Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung và yêu cầu về bảo đảm dự thầu: 50.000.000 đồng, đảm bảo bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bảo lãnh ngân hàng.

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bộ HSDX gốc và ghi rõ “BẢN GỐC”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp 01 bản chụp của HSDX và phải ghi rõ “BẢN CHỤP”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

15.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền

phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘP VÀ MỞ HSDX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu.....;
- b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu.....;
- c) Ghi tên gói thầu.....;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước 17 giờ 00 phút, ngày 28/3/2026 (thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Bên mời thầu cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSDX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: trước 17 giờ 00 phút, ngày 28/3/2026 (thời gian đóng thầu)

18. HSDX nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

19. Mở HSDX

Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp HSDX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSDX

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 02 ngày làm việc, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

21. Đánh giá các HSDX

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên

mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không

đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,
- b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;
- c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;
- c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

c) Giá trúng thầu;

d) Loại hợp đồng;

đ) Thời gian thực hiện hợp đồng;

e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;

h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC

thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 14.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Bước 1: Kiểm tra HSDX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phân công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;
- i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Giấy tờ cần nộp		
				Tất cả các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Một thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính							
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm	Doanh thu bình quân hàng năm là 9.186.333.650 đồng trong vòng 03 năm trở lại đây (2022-2023 -2024)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (trương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 9
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong 03 năm tài chính gần nhất (2022-2023 -2024). a) Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn > 1; b) Giá trị ròng phải ≥ 0;	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9

		c) Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.					
2. Kinh nghiệm							
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 03 năm trở lại đây (2022-2023-2024), tính đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 8
2.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây từ năm 2022 trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm bản chính hoặc bản chụp được chứng thực hợp đồng, biên bản nghiệm thu (hoặc thanh lý hợp đồng), hóa đơn GTGT để chứng minh</i>)	Phải thỏa mãn yêu cầu	Không áp dụng	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 7

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, theo các chỉ tiêu như sau:

1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ	Nhà thầu có đề xuất thực hiện đầy đủ các danh mục (phạm vi cung cấp), thuyết minh các yêu cầu kỹ thuật và nêu rõ tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ gói thầu này	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1 Hiểu biết của nhà thầu về tính chất, mục đích công việc của gói thầu.	Trình bày hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc chi tiết, đầy đủ, rõ ràng.	Đạt
	Hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc không đầy đủ, sơ sài.	Không đạt
2.2 Hiểu biết của nhà thầu về đặc điểm vị trí địa lý, đặc điểm của hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thực hiện gói thầu	Trình bày hiểu biết của nhà thầu về đặc điểm vị trí địa lý, đặc điểm của hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thực hiện gói thầu đầy đủ rõ ràng.	Đạt
	Không trình bày hoặc trình bày một cách chung, không thể hiện hiểu biết của nhà thầu về đặc điểm vị trí địa lý, đặc điểm của hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn thực hiện gói thầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	

	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt
--	---	-----------

3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

3.1. Kế hoạch thực hiện tổng thể

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý của nhà thầu	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Nhà thầu, và thuyết minh sơ đồ, thể hiện hợp lý cơ cấu quản lý nhằm đảm bảo đạt chất lượng, tiến độ đề ra cho gói thầu.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.1.2. Tổ chức quản lý hiện trường.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường; và thuyết minh sơ đồ, thể hiện đầy đủ, hợp lý các bộ phận hoặc các vị trí nhân sự mà nhà thầu dự kiến huy động đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu, phù hợp với giải pháp thi công mà nhà thầu đề xuất và ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.1.3 Lập kế hoạch thực hiện tổng thể	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, phương án thực hiện phù hợp, có tính khả thi cao, bao gồm: + Phương án về thời gian thực hiện; + Phương án chăm sóc, bảo dưỡng; + Phương án thu hồi vật tư; + Phương án bảo vệ và duy trì cây xanh, mảng xanh trong mùa mưa bão; + Phương án chăm sóc, xử lý các vấn đề phát sinh sau khi hoàn thành dịch vụ. 	

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Có kế hoạch tổng thể (Bố trí nhân sự, phương tiện, thiết bị, công tác điều hành) theo từng tháng chi tiết và phù hợp với quy mô gói thầu.	
	Không trình bày hoặc có trình bày nhưng sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản, kế hoạch triển khai không hợp lý, không phù hợp với yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3.2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.2.1 Chăm sóc, mé nhánh cây xanh loại 1	Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc, mé nhánh phù hợp đồng thời phải có hình ảnh hoặc bản vẽ mô tả	Đạt
	Không có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc, mé nhánh hoặc không có hình ảnh hoặc không bản vẽ mô tả hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
3.2.2 Chăm sóc cây kiểng	Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc cây kiểng phù hợp đồng thời phải có hình ảnh hoặc bản vẽ mô tả	Đạt
	Không có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc cây kiểng hoặc không có hình ảnh hoặc không bản vẽ mô tả hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
3.2.3 Chăm sóc thảm cỏ lá gừng	Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc thảm cỏ lá gừng phù hợp đồng thời phải có hình ảnh hoặc bản vẽ mô tả	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Không có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc thảm cỏ lá gừng hoặc không có hình ảnh hoặc không bản vẽ mô tả hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
3.2.4 Chăm sóc bồn hoa, bồn kiếng	Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc bồn hoa, bồn kiếng phù hợp đồng thời phải có hình ảnh hoặc bản vẽ mô tả	Đạt
	Không có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp chăm sóc bồn hoa, bồn kiếng hoặc không có hình ảnh hoặc không bản vẽ mô tả hoặc có nhưng không phù hợp.	Không đạt
3.2.5 Quét, thu gom rác và vận chuyển rác	<ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp phù hợp. - Có văn bản thỏa thuận với đơn vị/Công ty thực hiện xử lý rác thải (kèm theo tài liệu chứng minh liên quan). 	Đạt
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp hoặc có nhưng không phù hợp. - Không có thỏa thuận với đơn vị/Công ty thực hiện xử lý rác thải (không kèm theo tài liệu chứng minh) 	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.	- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	
	Không trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài.	Không đạt
4.2 Hệ thống quản lý chất lượng vật tư, quản lý chất lượng trong quá trình thực hiện dịch vụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Có lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận quản lý và hiểu biết rõ quy trình quản lý chất lượng trong công tác “Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh”. - Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư. - Biện pháp kiểm tra chất lượng nguồn vật tư trước khi tiến hành thực hiện dịch vụ; - Biện pháp giám sát công tác chăm sóc bảo dưỡng, ghi chép báo cáo hàng ngày; - Biện pháp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị trong quá trình thực hiện dịch vụ. 	Đạt
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ, sơ sài, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tiêu chuẩn áp dụng thực hiện dịch vụ	- Có đề xuất tiêu chuẩn áp dụng thực hiện gói thầu đáp ứng theo các quy định hiện hành.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Có đề xuất cụ thể quy trình thực hiện dịch vụ: “Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh” để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của gói thầu</p> <p>- Có đề xuất các phương án phối hợp cùng chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xuyên suốt thời gian thực hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ.</p>	
	Nhà thầu không đề xuất, hoặc đề xuất không đáp ứng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

6. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kế hoạch và tiến độ thực hiện gói thầu	<p>Có xây dựng kế hoạch và tiến độ cho từng công tác, có kế hoạch và tiến độ bố trí nhân sự, thiết bị đảm bảo thời gian thực hiện khối lượng hợp đồng theo mỗi tháng/mỗi quý (trong đó bao gồm cả thời gian lập hồ sơ báo cáo, nghiệm thu, thanh quyết toán A-B) kèm theo biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.</p>	Đạt
	<p>Không xây dựng kế hoạch, tiến độ hoặc không có biểu đồ hoặc có xây dựng nhưng không cụ thể tiến độ thực hiện và hoàn thành các hạng mục công việc trong quá trình thực hiện hoặc có biểu đồ tiến độ thực hiện gói thầu không phân khai rõ thời gian.</p>	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
7.2 Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông	Có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông hợp lý hoặc có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
7.3. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.4. Biện pháp bảo đảm an toàn lao động	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thực hiện gói thầu, cụ thể, chi tiết cho từng công tác theo phạm vi cung cấp của gói thầu.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không chi tiết, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
7.5. Quy trình quản lý, ứng cứu, khắc phục sự cố cây xanh ngã đổ	Có quy trình tham gia ứng cứu, khắc phục khi có sự cố đột xuất xảy ra do nhà thầu đề xuất, đảm bảo đầy đủ và phù hợp với từng loại hình hư hỏng (cây xanh bật gốc, ngã đổ,...) từ khâu phát hiện sự cố, lập biên bản xác nhận thiệt hại; báo cáo thiệt hại và tiến hành xử lý khẩn cấp	Đạt
	Nhà thầu không có các quy trình tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố hoặc có nhưng không đầy đủ đối với từng loại hình hư hỏng có thể xảy ra trên địa bàn, chỉ đáp ứng một phần yêu cầu ứng cứu khi có thiệt hại xảy ra	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
8.1 Thông tin uy tín của Nhà thầu về việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số	Nhà thầu không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</i> <i>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i></p>	<p>có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.</p>	
	<p>Nhà thầu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>8.2 Thông tin uy tín của nhà thầu về kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 (Trừ khoản 1 Điều 20) của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, kể từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu. <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</i> <i>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i></p>	<p>Nhà thầu không có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Nhà thầu có hợp đồng vi phạm tiến độ, chất lượng do lỗi của Nhà thầu.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>Kết luận</p>	<p>Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>	<p>Không đạt</p>

9. Các yếu tố cần thiết khác

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
9.1 Đáp ứng về nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu huy động đủ số lượng nhân sự chủ chốt theo yêu cầu Mục 2.2 Chương III E-HSMT - Bố trí 01 nhân sự kỹ thuật thi công tốt nghiệp trình độ đại học chuyên ngành cây xanh và 07 công nhân lao động của nhà thầu: có bảng kê danh sách; có chứng nhận hoặc chứng chỉ được bồi dưỡng kỹ thuật liên quan đến trồng, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh; có bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn lao động, vệ sinh môi trường; Bản chụp hợp đồng lao động với nhà thầu còn hiệu lực hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. 	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
9.2 Khả năng đáp ứng yêu cầu về các loại cỏ, cây kiểng, cây xanh, nguồn nước tưới, vật tư khác theo yêu cầu của gói thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Có vườn ươm (tự sản xuất các loại cỏ, kiểng, hoa, cây xanh) và làm kho bãi tập kết vật liệu, vật tư thu hồi, dưỡng cây di dời. + Đối với vườn ươm: thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê (cung cấp tài liệu chứng minh thuộc sở hữu như Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất hoặc quyết định giao đất hoặc tài liệu tương đương khác. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê có hiệu lực đến hết thời gian thực hiện gói thầu và tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê) hoặc nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp các loại cỏ, cây kiểng các loại, cây xanh (cung cấp hợp đồng nguyên tắc và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp). + Đối với bãi tập kết vật tư thu hồi: nhà thầu phải chứng minh có bãi đất trống để chứa vật tư thu hồi thuộc sở hữu hoặc đi thuê (cung cấp tài liệu chứng minh thuộc sở hữu như Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất hoặc quyết định 	Đạt

	giao đất hoặc tài liệu tương đương khác. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê có hiệu lực đến hết thời gian thực hiện gói thầu và tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê) - Chủ động nguồn nước tưới (nước thủy cục) để đảm bảo cho công tác chăm sóc và bảo dưỡng mảng xanh (Nhà thầu không được khoan giếng). Nhà thầu chứng minh: có hợp đồng với đơn vị cung cấp nước	
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết nhưng thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực;

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh _____ [Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> <input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. <input type="checkbox"/> Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. <input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> • TỰ CHỦ VỀ PHÁP LÝ VÀ TÀI CHÍNH • HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>
<p>Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i></p> <p><input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.</p>
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

1. Tên nhà thầu: _____
Địa chỉ: _____
2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
 - a) Sản xuất:

-	(2) từ năm:	đến năm:
-	từ năm:	đến năm:
...		
 - b) Kinh doanh:

-	(3) từ năm:	đến năm:
-	từ năm:	đến năm:
...		
3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong ____ (4) năm gần đây:
 - a) Sản xuất:
 - b) Kinh doanh:
4. Tổng số lao động hiện có:
 - a) Trong lĩnh vực sản xuất:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)
 - b) Trong lĩnh vực kinh doanh:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2). Ghi lĩnh vực sản xuất chính (3). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).

(5). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU
(Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo đảm: [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]⁽¹⁾ (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽²⁾ ngày kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

- a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại Chương I;
- c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.
- d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

Các Mẫu biểu giá

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chi dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp]

Mẫu số 11

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đ n vị tính	Đơn giá (bao gồm cả thuế)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) =(7) x (9)
1
2
3
Cộng								
Thuế								
Phí (nếu có)								
Tổng cộng								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất

[Nhà thầu phải yêu cầu Nhà sản xuất điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn ở dưới. Thư ủy quyền này phải được in trên giấy có tiêu đề của Nhà sản xuất và có chữ ký của người có thẩm quyền hợp lệ để ký các tài liệu có ý nghĩa ràng buộc đối với Nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm Ủy quyền của Nhà sản xuất vào Hồ sơ dự thầu]

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

CĂN CỨ VÀO VIỆC

Chúng tôi *[điền tên đầy đủ của Nhà sản xuất]*, là nhà sản xuất chính thức *[điền tên loại hàng hóa được sản xuất]*, có nhà máy tại *[điền địa chỉ đầy đủ của nhà máy]*, tuyên bố ủy quyền cho *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* nộp hồ sơ dự thầu cung cấp những hàng hóa sau đây do chúng tôi sản xuất *[điền tên và/hoặc mô tả ngắn gọn về hàng hóa]*, sau đó đàm phán và ký Hợp đồng.

Chúng tôi xin bảo đảm và bảo hành đầy đủ đối với Hàng hóa do công ty nêu trên chào cung ứng.

Đã ký: *[chữ ký của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Tên: *[điền tên của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Chức vụ: *[điền chức vụ]*

Thứ _____ ngày _____, tháng _____ năm _____ *[điền ngày ký]*

Chương IV

PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được Bên mời thầu đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);

2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

[Bên mời thầu sẽ điền vào bảng này, ngoại trừ cột "Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu" sẽ do Nhà thầu điền]

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng cuối cùng (Địa điểm Dự án) theo quy định ở BDS	Ngày giao hàng (theo Incoterms)		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu [Nhà thầu tự điền vào cột này]
1	Khu vực 4						
1.1	I. Công viên kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập Khu công nghệ cao TP.HCM (tưới nước thủy cục)			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	[điền số ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực]	[điền số ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực]	[điền số ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực]
1.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	82,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	82,000	1 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	82,000	1 cây	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.4	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	572,800	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.5	Duy trì cây cảnh tạo hình	3,580	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.6	Tưới nước thảm cỏ - Bể nước máy tưới thủ công	4.366,400	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	
1.1.7	Phát thảm cỏ bằng máy	327,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026	

1.1.8	Bón phân cỏ	54,580	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.9	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	336,000	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	2,100	100 m ² /năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.11	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Thảm cỏ	261,984	1000 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	928	1000 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	40,920	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	40,920	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	40,920	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2	VIII. Đường Vành đai đoạn 2 (tưới nước thủy cục)			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.1	Duy trì cây bóng mát loại I	124,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại I	124,000	1 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026

1.2.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại I	124,000	1 cây	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.4	Tưới nước thảm cỏ - Bể nước máy tưới thủ công	8.404,800	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.5	Phát thảm cỏ bằng máy	840,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.6	Bón phân cỏ	140,080	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.7	Phát thảm cỏ bằng máy (Đường Vành đai đoạn 2 phần vỉa hè)	261,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.8	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	156,888	1000 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.9	Thu gom rác vè diêm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	141,320	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.10	Thu gom rác từ các diêm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa diêm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	141,320	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.11	Vận chuyển rác đến địa diêm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	141,320	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.12	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất E4 (Lô TC))	701,580	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026

1.2.13	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất lô E5 (E5-4, E5-7, E5-8))	674,920	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2	Khu vực 5			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh		
2.1	IX. Đường D2 - giai đoạn II vỉa hè (tưới nước xe bồn)			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh		
2.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	374,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.2	Tưới nước cây kiếng trồng hoa, cây kiếng tạo hình và dây leo - Bảng xe bồn: Xe bồn 8 m3	214,400	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	1,340	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.4	Tưới nước thảm cỏ - Bảng xe bồn: Xe bồn 8 m3	10.086,400	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.5	Phát thảm cỏ bằng máy	756,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.6	Bón phân cỏ	126,080	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.7	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	753,600	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.8	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	4,710	100 m2/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.9	Phát thảm cỏ bằng máy (đường D2- giai đoạn 2 phần vỉa hè)	1.279,320	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026

2.1.10	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	767,592	1000 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.11	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	362,520	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.12	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	362,520	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.13	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	362,520	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2	X. Đường D2 - giai đoạn II dài phân cách (tưới nước thủy cục kết hợp xe bồn)					
2.2.1	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	368,000	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.2	Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bảng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	369,600	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	4,610	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.4	Tưới nước thảm cỏ - Bảng nước máy tưới thủ công	14.145,600	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.5	Tưới nước thảm cỏ - Bảng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	14.145,600	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.6	Phát thảm cỏ bằng máy	2.121,840	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026

2.2.7	Bón phân cỏ	353,640	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.8	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	980,800	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.9	Tưới nước bồn hoa, bồn kiếng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bàng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	980,800	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	12,260	100 m ² /năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.11	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất trồng dưới dạ cầu Rạch Lân)	43,200	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.12	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	226,800	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.13	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	226,800	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.14	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	226,800	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026	12 tháng kể từ tháng 3/2026

Chương V YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

“**Tóm tắt Yêu cầu về kỹ thuật.** Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các Yêu cầu về kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

1. Giới thiệu chung:

- Tên gói thầu: Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa điểm thực hiện: Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.

- Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với: Tính chính xác của thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong Hồ sơ đề xuất, tính chính xác của các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu cũng như Nhân sự tham dự thầu.

- Đối với các loại chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp chứng chỉ/chứng nhận mới của Nhân sự còn hiệu lực theo yêu cầu của HSYC.

- Phạm vi cung cấp:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	Khu vực 4				
1.1	I. Công viên kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập Khu công nghệ cao TP.HCM (trới nước thủy cục)				
1.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	82,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	82,000	1 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.3	Vận chuyên rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	82,000	1 cây	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.4	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	572,800	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.5	Duy trì cây cảnh tạo hình	3,580	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.6	Tưới nước thấm cỏ - Bể nước máy tưới thủ công	4.366,400	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.7	Phát thấm cỏ bằng máy	327,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1.1.8	Bón phân cỏ	54,580	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.9	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	336,000	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	2,100	100 m2/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.11	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Thảm cỏ	261,984	1000 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	,928	1000 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	40,920	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	40,920	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.1.15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	40,920	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2	VIII. Đường Vành đai đoạn 2 (tưới nước thủy cục)			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	124,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	124,000	1 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	124,000	1 cây	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	8.404,800	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.5	Phát thảm cỏ bằng máy	840,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.6	Bón phân cỏ	140,080	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.7	Phát thảm cỏ bằng máy (Đường Vành đai đoạn 2 phần vỉa hè)	261,480	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.8	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	156,888	1000 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.9	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	141,320	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.10	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	141,320	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.11	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	141,320	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.12	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất E4 (Lô TC))	701,580	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
1.2.13	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất lô E5 (E5-4, E5-7, E5-8))	674,920	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
2	Khu vực 5			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1	IX. Đường D2 - giai đoạn II vỉa hè (tưới nước xe bồn)			Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	374,000	1 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.2	Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	214,400	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	1,340	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	10.086,400	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.5	Phát thảm cỏ bằng máy	756,480	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.6	Bón phân cỏ	126,080	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.7	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	753,600	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.8	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	4,710	100 m ² /năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.9	Phát thảm cỏ bằng máy (đường D2-giai đoạn 2 phần vỉa hè)	1.279,320	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.10	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	767,592	1000 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.11	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	362,520	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.12	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	362,520	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.1.13	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	362,520	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2	X. Đường D2 - giai đoạn II dải phân cách (tưới nước thủy cục kết hợp xe bồn)				
2.2.1	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	368,000	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.2	Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	369,600	100 cây/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	4,610	100 cây/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	14.145,600	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.5	Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	14.145,600	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.6	Phát thảm cỏ bằng máy	2.121,840	100 m ² /lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
2.2.7	Bón phân cỏ	353,640	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.8	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	980,800	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.9	Tưới nước bồn hoa, bồn kiếng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m ³	980,800	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	12,260	100 m2/năm	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.11	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất trống dưới dạ cầu Rạch Lân)	43,200	100 m2/lần	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.12	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	226,800	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.13	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	226,800	1 tấn rác	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026
2.2.14	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	226,800	1 tấn rác/1Km	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng kể từ tháng 3/2026

2. Mục tiêu công việc:

Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện hăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh theo phạm vi cung cấp của HSYC này.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

3.1 Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Có biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu cho môi trường, cụ thể:

- Rác thải các loại (Từ việc cắt tỉa, duy trì, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ, vệ sinh trên các trục đường): Có biện pháp thu gom, vận chuyển ra khỏi khu vực thi công về nơi tập kết để xử lý theo quy định.

3.2 Yêu cầu về an toàn lao động

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người thi công: Quần áo bảo hộ, giày, mũ, dây an toàn...;

- Công nhân, cán bộ phải được học và tập huấn về an toàn lao động;

- Có biển báo những nơi nguy hiểm, cảnh giác người qua lại khi đang thi công những hạng mục công việc có thể gây nguy hiểm cho người xung quanh.

3.3 Yêu cầu về huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

Tuỳ theo tiến độ và khối lượng công việc, nhà thầu có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị thi công cho phù hợp. Tuy nhiên, để công việc thực hiện có hiệu quả, yêu cầu tại hiện trường phải có:

- **Nhân lực:** Có các nhân sự theo yêu cầu của Mục 2.2 Chương III E-HSMT đảm bảo luôn có mặt tại công trình để điều hành thực hiện gói thầu và số lượng công nhân phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Trong trường hợp chủ đầu tư kiểm tra phát

hiện không có các nhân sự như nêu trên tại công trình sẽ lập biên bản nhắc nhở. Nếu tiếp diễn quá 03 lần Chủ đầu tư sẽ đình chỉ thực hiện, chấm dứt hợp đồng và sẽ chỉ định thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khác. Đồng thời cảnh báo và đánh giá về uy tín trong thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

- Thiết bị thi công:

Có đầy đủ các tài sản thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê đảm bảo thực hiện duy trì, chăm sóc bảo dưỡng mảng xanh và vệ sinh môi trường như:

- + Máy cắt cỏ.
- + Cưa máy
- + Ô tô tưới nước $\geq 8m^3$ hoặc ô tô tải $\geq 8T$ và thùng chứa $\geq 8m^3$.
- + Ô tô tải thùng
- + Xe ép rác.
- + Và các tài sản, thiết bị thi công khác.

Thiết bị đảm bảo luôn được bố trí tại công trình (theo yêu cầu của tiến độ thực hiện) để thực hiện gói thầu phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Trong trường hợp chủ đầu tư kiểm tra phát hiện không có thiết bị tại công trình sẽ lập biên bản nhắc nhở. Nếu tiếp diễn quá 03 lần Chủ đầu tư sẽ đình chỉ thực hiện, chấm dứt hợp đồng và sẽ chỉ định thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khác. Đồng thời cảnh báo và đánh giá về uy tín trong thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

3.4 Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

- Lập hệ thống quản lý chất lượng, yêu cầu kỹ thuật phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô gói thầu, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công;

- Có cam kết về nguồn gốc vật liệu, vật tư, thiết bị đưa vào thi công phải theo đúng tiêu chuẩn;

- Lập, kiểm tra kế hoạch thực hiện và tiến độ thi công;

- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trình;

- Phối hợp với các bên có liên quan trong quá trình thực hiện gói thầu;

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động (nếu có), vệ sinh môi trường trong quá trình thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư. Hình thức báo cáo:

+ Lịch công việc thực hiện: Báo cáo trước khi thực hiện công việc theo tuần, tháng để chủ đầu tư theo dõi, giám sát việc thực hiện thi công.

+ Nhật ký thi công: Dùng để báo cáo công việc đã thực hiện trong kỳ. Báo cáo định kỳ kết thúc công việc theo tuần, tháng. Báo cáo này được đối chiếu với lịch công việc thực hiện (có giám sát thực hiện của chủ đầu tư) làm cơ sở để thanh quyết toán khối lượng công việc hoàn thành.

+ Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu, lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không rõ nguồn gốc, không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

3.5 Công tác chăm sóc, bảo quản cây xanh:

- Tưới nước đầy đủ đảm bảo cây xanh tốt.
- Chống sừa cây nghiêng: Thực hiện ngay khi phát hiện.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ sạch cỏ dại xung quanh gốc cây 01 lần/tháng hoặc khi có phát sinh, thường xuyên dọn dẹp rác quanh gốc cây.
- Phun thuốc Bảo vệ thực vật phòng và trừ sâu bệnh: Thực hiện vào đầu mùa mưa để phòng và thực hiện ngay khi có phát sinh.
- Trồng thay cây chết: Thay thế cây cùng chủng loại và kích cỡ của cây đã chết.
- Tẩy chồi và dọn vệ sinh: Thực hiện định kỳ tẩy chồi để duy trì kiểu dáng của cây.
- Mé nhánh cây tạo tán gọn gàng, cân đối: Mé theo yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu mỹ quan, cắt cách thân từ 3-5cm và cắt tỉa những cành nhánh làm cản trở tầm nhìn giao thông hay vướng vào đường dây điện (nếu có). Công tác mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1 thực hiện 01 lần/năm.
- Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình: Thực hiện ngay đảm bảo các tuyến đường, vỉa hè, thảm cỏ không có rác và nhánh cây rơi vãi.
- Bón phân (phân vi sinh): Thực hiện ngay khi phát hiện cây sinh trưởng, phát triển kém. Khi sử dụng phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng (xuất xứ, hợp chuẩn và nằm trong danh mục được cấp phép sử dụng,).

3.6 Công tác chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình:

- Tưới nước đầy đủ đảm bảo cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình xanh tốt.
- Cắt tỉa: Cây kiểng phải được cắt sửa tán gọn gàng cân đối, chống sừa không để cây nặng tàn, nghiêng ngã. Thực hiện 01 lần/tháng hoặc khi có phát hiện.
- Phun thuốc Bảo vệ thực vật phòng và trừ sâu hại: Thực hiện vào đầu mùa mưa để phòng và thực hiện ngay khi có phát sinh.
- Công tác trồng dặm: Thay thế cây cùng chủng loại và kích cỡ của cây đã chết.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ sạch cỏ dại xung quanh gốc cây, tháo gỡ cây phụ sinh 01 lần/tháng hoặc khi có phát sinh, thường xuyên dọn dẹp rác quanh gốc cây.
- Bón phân (phân vi sinh): Thực hiện ngay khi phát hiện cây sinh trưởng, phát triển kém. Khi sử dụng phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng (xuất xứ, hợp chuẩn và nằm trong danh mục được cấp phép sử dụng,).

3.7 Công tác chăm sóc thảm cỏ lá gừng và cỏ nhung:

- Tưới nước đầy đủ đảm bảo cỏ xanh tốt, không bị khô héo.
- Thảm cỏ được phát 01 lần/tháng, duy trì chiều cao cỏ bằng 5-20 cm.
- Trồng dặm: Thực hiện ngay khi có cỏ chết, đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín, không bị mất khoảng.
- Xén cỏ lê: Cỏ lê được xén thẳng theo chu vi thảm cỏ, cách bó vỉa 10cm. Thực hiện 01 lần/tháng.
- Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ: Thực hiện vào đầu mùa mưa để phòng và thực hiện ngay khi có phát sinh đảm bảo thảm cỏ luôn xanh tốt.

- Bón phân cỏ (phân vi sinh): Thực hiện 02 lần/năm và thực hiện bổ sung ngay khi phát hiện thảm cỏ xấu (sinh trưởng, phát triển kém). Khi sử dụng phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng (xuất xứ, hợp chuẩn và nằm trong danh mục được cấp phép sử dụng).

3.8 Công tác chăm sóc bồn hoa, bồn kiểng:

- Tưới nước đầy đủ đảm bảo bồn hoa, bồn kiểng luôn xanh tốt, có trổ hoa và không bị khô héo. Nhổ cỏ dại, cắt tỉa 01 lần/tháng và trồng dặm những cây chết, đảm bảo độ che phủ >80% diện tích bồn hoa, bồn kiểng.

- Phun thuốc Bảo vệ thực vật phòng và trừ sâu bệnh: Thực hiện vào đầu mùa mưa để phòng và thực hiện ngay khi có phát sinh.

- Bón phân (phân vi sinh): Thực hiện ngay khi phát hiện cây sinh trưởng, phát triển kém. Khi sử dụng phân bón phải có nguồn gốc rõ ràng (xuất xứ, hợp chuẩn và nằm trong danh mục được cấp phép sử dụng,).

3.9 Cắt thảm cỏ tự nhiên

- Cắt sạch thảm cỏ, cây mọc dại trên vỉa hè, quét hốt và vận chuyển đi đổ đúng nơi quy định.

+ Đối với đường D5, Đường N9, đường D2b và Khu vực giáp hàng rào Công ty TC Việt Nam, Đường Vành đai đoạn 2, đường D2- giai đoạn 2, Đường D1- giai đoạn 2, đường N3, Đường N7, Đường N10, Đường D8, Đường D9, Đường D10: Thực hiện 4 lần/năm (thực hiện trong tháng thứ 3; 6; 9 và 12).

- Cắt thảm cỏ, cây mọc dại được phát, đảm bảo chiều cao không quá 20 – 30 cm.

+ Đối với Khu vực G6 giáp Thế Giới Gen, Nam Khoa và Khu đất trồng dưới dạ cầu Rạch Lân (cắt cỏ không vận chuyển rác): Thực hiện 4 lần/năm (thực hiện trong tháng thứ 3; 6; 9 và 12).

3.10 Cắt cỏ không thuận chủng ở những khu đất trống chưa có nhà đầu tư

- Cắt thảm cỏ, cây mọc dại được phát, đảm bảo chiều cao không quá 20 -30 cm.

+ Đối với Khu đất Khu đất E4 (Lô TC), Khu đất lô E5 (E5-4, E5-7, E5-8) và Khu đất lô E-2b (E-2b-2) (cắt cỏ không vận chuyển rác hoặc gom đến chỗ trống trong khu đất đảm bảo khuất tầm nhìn và đảm bảo cảnh quan): Thực hiện 2 lần/năm (thực hiện trong tháng thứ 6 và 12).

3.11 Công tác làm cỏ đường đi trong công viên, mảng xanh - Đường đan, đá

- Nhổ sạch cỏ trên đường đan, quét hốt và vận chuyển đi đổ đúng nơi quy định.

+ Làm cỏ đường đi trong công viên, mảng xanh - Đường đan, đá: Đường D1 – đoạn 2, Mảng xanh cầu Rạch Can thực hiện bình quân 01 lần/02 tháng (6 lần/năm).

3.12 Công tác quét rác thảm cỏ:

- Công tác quét rác thảm cỏ: Đảm bảo thảm cỏ được sạch rác.

+ Công tác quét rác thảm cỏ: Đối với mảng xanh Công viên kỷ niệm 15 năm thực hiện 08 lần/tháng (96 lần/năm).

+ Công tác quét rác thảm cỏ: Đối với mảng xanh Đường D1 – đoạn 2 phần vỉa thực hiện 2 lần/tháng (24 lần/năm).

3.13 Công tác Quét rác đường gạch:

- Công tác Quét rác đường gạch (vía hè): Đảm bảo đường gạch (vía hè) được sạch rác.

+ Công tác Quét rác đường gạch (vía hè): Đối với Công viên kỷ niệm 15 năm, Đường Vành đai đoạn 2, Đường D2 - giai đoạn II, Đường D1- giai đoạn II, Đường N3, Đường N7, Đường N10 thực hiện 2 lần/tháng (24 lần/năm).

+ Công tác Quét rác đường gạch (vía hè): Đường D5, Đường N9, Đường D2b, Đường D8, Đường D9 và Đường D10 thực hiện 01 lần/tháng (12 lần/năm).

3.14 Các công việc thực hiện cần phải tuân thủ theo các quy định hiện hành như sau:

- Quyết định số 3206/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 21 tháng 6 năm 2017 Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở GTVT quản lý trên địa bàn thành phố;

- Các công việc thực hiện cần phải tuân thủ theo các quy định tại: Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT của Sở Xây dựng ngày 23 tháng 12 năm 2019 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

- Các quy định khác có liên quan.

3.15 Điều khoản tạm ứng, thanh toán:

3.15.1 Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng

3.15.2 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

4. Tiến độ thanh toán:

Tiến độ xác định khối lượng thanh toán thực hiện vào ngày cuối quý và đợt cuối sẽ xác định khối lượng thanh toán vào ngày 31/12/2026. Các bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng theo khối lượng và thời gian thực tế thực hiện đến ngày 31/12/2026.

5. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

6. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện kiểm tra và nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Ghi chú:

- Nhà thầu chuẩn bị bảng phân tích đơn giá khi được yêu cầu

Chương VI

KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]², theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...³, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

² Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ dễ chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

³ Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

Chương VII
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu: Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Hợp đồng số HD2600049416_2603120955 ngày 13/3/2026 về việc thi công gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng năm 2026 tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được ký ngày tháng năm ... giữa Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM và ,.....

- Căn cứ.....

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A (sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Tên Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM

Điện thoại: 028 38 2365

Fax: 028 38 295614

E-mail: congviencayxanh@vnn.vn

Tài khoản: 001879359999 tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank) - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0300426575

Đại diện là ông/bà: LÊ THÀNH KHOA Chức vụ: Giám đốc

Bên B (sau đây gọi là Nhà thầu)

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được

hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).
3. “Gói thầu” là gói thầu “Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”.
4. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm thuộc phạm vi Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.
5. “Hồ sơ yêu cầu” là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu (viết tắt là: HSYC).
6. “Hồ sơ đề xuất” là toàn bộ tài liệu của Nhà thầu lập theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu và được nộp cho bên mời thầu theo quy định (viết tắt là: HSDX).
7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng.
8. “Ngày” là ngày dương lịch được tính liên tục, kể cả ngày nghỉ và ngày Lễ theo quy định.

Điều 2. Luật và ngôn ngữ sử dụng

1. Ngôn ngữ sử dụng là: Tiếng Việt.
2. Hợp đồng chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Điều 3. Đối tượng hợp đồng

3. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở HSYC đã được phê duyệt, HSDX đã được chấp thuận, bảng giá ký hợp đồng.
4. Các hạng mục công việc và khối lượng Bên B thực hiện căn cứ theo hồ sơ yêu cầu, yêu cầu kỹ thuật trong HSYC được phê duyệt, HSDX được chấp thuận và bảng giá ký hợp đồng.
5. Quá trình thực hiện phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và được nghiệm thu định kỳ theo đúng quy định.

Điều 4. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

Điều 5. Trách nhiệm của bên A

1. Quyền hạn

- Bên A được thực hiện đầy đủ các biện pháp để giám sát, kiểm tra, quản lý chất lượng khi Bên B thực hiện công việc theo quy định của Hợp đồng và theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu Bên B bảo đảm thực hiện hoàn toàn và đầy đủ các cam kết, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Yêu cầu thay thế nhân sự quản lý hoặc nhân sự trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nếu nhận thấy không đáp ứng yêu cầu công việc, thường xuyên vi phạm quy định hoặc để xảy ra các sai sót, sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến chất lượng công việc theo hợp đồng.
- Tạm ngừng thực hiện công việc ngay lập tức hoặc có thời hạn nếu phát hiện Bên B thực hiện gói thầu không đạt theo yêu cầu và không phù hợp theo các quy trình đã được hai bên thống nhất.
- Từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B thực hiện gói thầu không đảm bảo yêu cầu khối lượng và chất lượng.

2. Trách nhiệm

- Bên A có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện gói thầu thường xuyên của Bên B.
- Bên A phối hợp với Bên B và các bên liên quan lập biên bản giải quyết những vướng mắc phát sinh tại hiện trường để làm cơ sở giải quyết vụ việc và tranh chấp (nếu có).
- Thanh toán kịp thời cho Bên B theo đúng thời hạn và phương thức như đã nêu trong hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng (nếu có).

Điều 6. Trách nhiệm của bên B

1. Quyền hạn

- Yêu cầu Bên A thanh toán giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành theo đúng hợp đồng.
- Từ chối thực hiện những yêu cầu của Bên A nếu không phù hợp, không bao gồm trong hợp đồng hoặc trái quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm

- Bên B thực hiện cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ bố trí đầy đủ nhân sự, phương tiện, thiết bị và tổ chức thực hiện đáp ứng yêu cầu sản phẩm hợp đồng.
- Bố trí đầy đủ cán bộ có trách nhiệm (có Quyết định phân công của Ban Giám đốc Công ty) để phối hợp giám sát Bên A trong công tác kiểm tra giám sát cũng như xử lý các sự cố phát sinh.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo Hợp đồng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong phạm vi Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được

giao theo quy định.

- Bên B phải lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định và tuân thủ về thời gian theo yêu cầu của Bên A trước khi tổ chức nghiệm thu.
- Trong quá trình thực hiện gói thầu, nếu làm hư hỏng các công trình xung quanh (điện, nước, điện thoại, chiếu sáng; mảng xanh, các công trình của doanh nghiệp, của Khu Công nghệ cao,...), Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi khu vực thực hiện, kịp thời phát hiện các hư hỏng, dấu hiệu mất an toàn. Khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải báo ngay cho Bên A.

Điều 7. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VND [Bằng chữ:].

Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đồng.

2. Phương thức thanh toán:

Chuyên khoản.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với số tiền là: đồng (Bằng chữ:.....) tương đương 03% (ba phần trăm) giá trị hợp đồng khi hai bên ký hợp đồng.

2. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực từ ngày phát hành đến khi Bên B đã thi công hoàn thành công trình và các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp phải gia hạn kéo dài tiến độ thi công được Bên A chấp thuận thì Bên B phải gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng với thời gian tương ứng.

3. Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Từ chối thực hiện hợp đồng khi đã có hiệu lực.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không thi công đầy đủ khối lượng, không đảm bảo chất lượng theo quy định của hợp đồng mà không giải trình lý do được Bên A xác nhận; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Loại hợp đồng

Đơn giá cố định

Điều 10. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện toàn bộ gói thầu: 12 tháng kể từ tháng 3/2026 (kể cả ngày nghỉ và ngày Lễ).
- Thời gian kết thúc thực hiện gói thầu: Hoàn thành công việc theo thời gian thực hiện của hợp đồng đến ngày 31/12/2026.

Điều 11. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:

Không áp dụng

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định. Hợp đồng được tiến hành thanh ký sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 13. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu

1. Yêu cầu về khối lượng, chất lượng

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các khối lượng công việc theo đúng HSYC được phê duyệt, trường hợp có thay đổi hoặc điều chỉnh phải được Bên A chấp thuận trước khi thực hiện.
- Công tác chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh phải thực hiện đúng quy trình, an toàn lao động trong quá trình thực hiện công việc và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình theo quy định hiện hành.

2. Kiểm tra, giám sát của Bên A

- Nội dung, phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A được thực hiện theo quy định hiện hành và bám sát vào nội dung yêu cầu của gói thầu.

3. Nghiệm thu

- Bên A chỉ xác nhận nghiệm thu khi sản phẩm của các công việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 1 của Điều này.
- Bên A sẽ xác nhận nghiệm thu hoàn thành thành 04 đợt, cụ thể:

+ Nghiệm thu hoàn thành đợt 01 ngày 31/3/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày khởi công đến ngày 31/3/2026 tương ứng với 01 đợt nghiệm thu hiện trường.

- Nghiệm thu hiện trường đợt 01 ngày 31/3/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày khởi công đến ngày 31/3/2026).

+ Nghiệm thu hoàn thành đợt 02 ngày 30/6/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày 01/4/2026 đến ngày 30/6/2026 tương ứng với 03 đợt nghiệm thu hiện trường.

- Nghiệm thu hiện trường đợt 02 ngày 30/4/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/4/2026 đến ngày 30/4/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 03 ngày 31/5/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/5/2026 đến ngày 31/5/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 04 ngày 30/6/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/6/2026 đến ngày 30/6/2026).

+ Nghiệm thu hoàn thành đợt 03 ngày 30/9/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/9/2026 tương ứng với 03 đợt nghiệm thu hiện trường.

- Nghiệm thu hiện trường đợt 05 ngày 31/7/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/7/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 06 ngày 31/8/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/8/2026 đến ngày 31/8/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 07 ngày 30/9/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/9/2026 đến ngày 30/9/2026).

+ Nghiệm thu hoàn thành đợt 04 ngày 31/12/2026: Cho khối lượng thực hiện từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/12/2026 tương ứng với 03 đợt nghiệm thu hiện trường.

- Nghiệm thu hiện trường đợt 08 ngày 31/10/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/10/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 09 ngày 30/11/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/11/2026 đến ngày 30/11/2026).
- Nghiệm thu hiện trường đợt 10 ngày 31/12/2026 (khối lượng công việc thực hiện từ ngày 01/12/2026 đến ngày 31/12/2026).

Điều 14. Nhân sự

1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSDX để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Bên B phải báo cáo và được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.
2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Bên A có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong thời gian quy định Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 15. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng.
 2. Thanh toán
- **Hồ sơ thanh toán gồm:**
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có).
 - + Xuất hoá đơn tài chính theo quy định.
- + **Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B.**
- Số lần thanh toán: Thanh toán 04 (bốn) đợt tương ứng với các đợt nghiệm thu hoàn thành. Thủ tục thanh toán chỉ thực hiện sau khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán.
 - Giá trị quyết toán của hợp đồng theo khối lượng thực tế thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị quyết toán nhỏ hơn so với giá trị đã thanh toán, Bên B có trách nhiệm hoàn trả lại cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
 - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

Điều 16. Điều chỉnh hợp đồng

- Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

- Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng

1. Tạm dừng hợp đồng

1.1 Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc thực hiện không đảm bảo yêu cầu chất lượng theo các quy định tại HSYC, Bên A ra thông báo tạm ngừng công việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian 03 ngày, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

1.2 Tạm ngừng công việc bởi Bên B:

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề như trên đã nêu.

1.3 Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng

- Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

+ Bố trí nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công phục vụ gói thầu không đúng với yêu cầu của HSYC nhưng không thông báo cho Bên A và thực hiện ngay khi Bên A phát hiện.

+ Thực hiện công tác chăm sóc, bảo dưỡng mảnh xanh không đạt theo yêu cầu kỹ thuật được quy định trong HSYC và được nhắc nhở trên 03 lần bằng văn bản nhưng vẫn không khắc phục hoặc khắc phục không đạt.

+ Để xảy ra sự cố nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình hoặc để xảy ra các tai nạn chết người do các nguyên nhân chủ quan.

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo ngay cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 18. Phạt vi phạm Hợp đồng

- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 19 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 1%/ tháng cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện.
- Bên A sẽ khấu trừ tối đa đến 12% giá trị Hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 17 của Hợp đồng này.
- Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

Điều 19. Rủi ro và bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện có thể xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa do sự kiện bất khả kháng gây ra và thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng chậm nhất là trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, các bên chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mỗi bên.
- Trường hợp các vấn đề vướng mắc, tranh chấp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định
3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung của Hợp đồng này. Các sửa đổi hoặc bổ sung (nếu có) phải được hai bên bàn bạc, thống nhất bằng văn bản và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 05 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản hồ sơ đề xuất của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung tại mẫu số 11]